

**ỦY BAN NHÂN DÂN
HUYỆN KBANG**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Số: ~~202~~ /QĐ-UBND

Kbang, ngày 29 tháng 12 năm 2017

QUYẾT ĐỊNH

V/v giao dự toán thu - chi học phí năm 2018 cho các đơn vị trường học.

ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN

Căn cứ Luật tổ chức chính quyền địa phương năm 2015;

Căn cứ Luật Ngân sách Nhà nước năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 16/2015/NĐ-CP ngày 14/02/2016 của Chính phủ Quy định cơ chế tự chủ của đơn vị sự nghiệp công lập;

Căn cứ Thông tư số 132/2017/TT-BTC ngày 15/12/2017 của Bộ Tài chính quy định về tổ chức thực hiện dự toán ngân sách nhà nước năm 2018;

Căn cứ Quyết định số 882/QĐ-UBND ngày 21/12/2017 của UBND tỉnh Gia Lai Về việc giao dự toán thu, chi ngân sách năm 2018 cho các huyện, thị xã, thành phố;

Căn cứ Nghị quyết số 04/2016/NQ-HĐND ngày 27/12/2016 của Hội đồng nhân dân huyện khóa VII kỳ họp thứ hai về ban hành quy định phân cấp nguồn thu, nhiệm vụ chi và định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên ngân sách địa phương cho thời kỳ 2017-2020 trên địa bàn huyện Kbang;

Căn cứ Nghị quyết số 155/NQ-HĐND ngày 25/12/2017 của Hội đồng nhân dân huyện Kbang khóa VII kỳ họp thứ tư về việc phê chuẩn dự toán ngân sách địa phương và phương án phân bổ ngân sách cấp huyện năm 2018;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Tài chính – KH,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Giao dự toán thu chi học phí năm 2018 cho các đơn vị trường học; số tiền: 1.135.000.000 đồng (*Một tỷ, một trăm ba mươi lăm triệu đồng*).

(Chi tiết có phụ lục kèm theo).

Điều 2. Căn cứ chức năng nhiệm vụ được giao, đơn vị thực hiện đúng các quy định của Luật Ngân sách Nhà nước, các văn bản của trung ương và địa phương quy định về tổ chức thực hiện ngân sách nhà nước năm 2018; bố trí, sử dụng kinh phí chặt chẽ, tiết kiệm hiệu quả; chủ động bố trí kinh phí để thực hiện các nhiệm vụ công tác trong năm (*kể các các nhiệm vụ phát sinh đột xuất*), đảm bảo hoàn thành nhiệm vụ được giao; đồng thời, thực hiện đầy đủ chế độ công khai ngân sách theo quy định.

Trích 40% nguồn thu được để lại để thực hiện cải cách tiền lương theo quy định.

Đối với các nội dung chi nâng cấp, sửa chữa, xây dựng: khi thực hiện phải được UBND huyện phân khai danh mục đầu tư cụ thể, được cơ quan có thẩm quyền thẩm định, phê duyệt và triển khai thực hiện đúng quy định.

Điều 3. Chánh văn phòng HĐND-UBND, Trưởng phòng Tài chính – KH, Giám đốc Kho bạc nhà nước huyện, Trưởng phòng Giáo dục & Đào tạo, Thủ trưởng cơ quan được giao dự toán kinh phí và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký./. *KM*

Nơi nhận:

- Như điều 3;
- Sở Tài chính (b/c);
- TT Huyện ủy (b/c);
- TT HĐND huyện (b/c);
- Ban KT-XH HĐND huyện;
- Lưu VT-VP-TH.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN



Võ Văn Phán



PHỤ LỤC

(Kèm theo Quyết định số 89/QĐ-UBND ngày 29/12/2017 của UBND huyện Kbang)

STT	Đơn vị	Số tiền (đồng)	Trong đó	
			40% thực hiện cải cách tiền lương	60% chi thường xuyên và tăng cường cơ sở vật chất
	Tổng cộng	1.135.000.000	454.000.000	681.000.000
1	Trường Mầm non 1-5	175.000.000	70.000.000	105.000.000
2	Trường Mẫu giáo Bông Hồng I	158.000.000	63.200.000	94.800.000
3	Trường Mẫu giáo Bông Hồng II	55.000.000	22.000.000	33.000.000
4	Trường Mẫu giáo Hoa Sen	10.500.000	4.200.000	6.300.000
5	Trường Mẫu giáo Trạm Lập	4.000.000	1.600.000	2.400.000
6	Trường Mẫu giáo Kông Bờ La	12.000.000	4.800.000	7.200.000
7	Trường Mẫu giáo Kông Long Khong	16.000.000	6.400.000	9.600.000
8	Trường Mẫu giáo Krong	9.000.000	3.600.000	5.400.000
9	Trường Mẫu giáo Lơ Ku	7.000.000	2.800.000	4.200.000
10	Trường Mẫu giáo Đăk HLơ	35.000.000	14.000.000	21.000.000
11	Trường Mẫu giáo Đăk Rong	12.000.000	4.800.000	7.200.000
12	Trường Mẫu giáo Nghĩa An	45.000.000	18.000.000	27.000.000
13	Trường Mẫu giáo Sơ Pai	52.000.000	20.800.000	31.200.000
14	Trường Mẫu giáo Tơ Tung	14.500.000	5.800.000	8.700.000
15	Trường Mẫu giáo Xã Đông	37.000.000	14.800.000	22.200.000
16	Trường Mẫu giáo Đăk Smar	5.500.000	2.200.000	3.300.000
17	Trường Mẫu giáo Kon Pne	1.700.000	680.000	1.020.000
18	Trường TH & THCS Đăk HLơ	22.000.000	8.800.000	13.200.000
19	Trường TH&THCS Trạm Lập	3.500.000	1.400.000	2.100.000
20	Trường THCS Sơn Lang	10.000.000	4.000.000	6.000.000
21	Trường THCS Chu Văn An	35.300.000	14.120.000	21.180.000
22	Trường THCS Kông Bờ La	10.000.000	4.000.000	6.000.000
23	Trường THCS Quang Trung	25.000.000	10.000.000	15.000.000
24	Trường PTDT Bán trú THCS Lơ Ku	3.500.000	1.400.000	2.100.000
25	Trường THCS Lê Hồng Phong	36.000.000	14.400.000	21.600.000
26	Trường THCS Lê Quý Đôn	110.000.000	44.000.000	66.000.000
27	Trường THCS Tơ Tung	17.000.000	6.800.000	10.200.000
28	Trường THCS Kông Long Khong	5.500.000	2.200.000	3.300.000
29	Trường THCS Nguyễn Bình Khiêm	208.000.000	83.200.000	124.800.000

Tổng số tiền bằng chữ: Một tỷ, một trăm ba mươi lăm triệu đồng chẵn./.

Handwritten signature